|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **QUỐC HỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | |
| Luật số: …/…/QH…  *(Dự thảo)* | | *Hà Nội, ngày … tháng … năm …* |

**LUẬT**

**GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Quốc hội ban hành Luật Giám định tư pháp.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định về giám định viên tư pháp; tổ chức giám định tư pháp; người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc; trình tự, thủ tục giám định tư pháp; chi phí giám định tư pháp, chế độ, chính sách trong hoạt động giám định tư pháp và trách nhiệm của cơ quan nhà nước đối với hoạt động giám định tư pháp.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Giám định tư pháp* là việc người giám định tư pháp sử dụng kiến thức, phương tiện, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ để kết luận về chuyên môn những vấn đề có liên quan đến hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự, giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính theo trưng cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc theo yêu cầu của người yêu cầu giám định theo quy định của Luật này.

2. *Người trưng cầu giám định* *tư pháp* bao gồm cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

3. *Người yêu cầu giám định tư pháp* là người có quyền tự mình yêu cầu giám định sau khi đã đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trưng cầu giám định mà không được chấp nhận. Người có quyền tự mình yêu cầu giám định bao gồm đương sự trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án hình sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ, trừ trường hợp việc yêu cầu giám định liên quan đến việc xác định trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo.

4.*Người giám định tư pháp*là người có kiến thức chuyên sâu, kinh nghiệm thực tiễn và kỹ năng chuyên môn ở lĩnh vực, chuyên ngành cần giám định, bao gồm giám định viên tư pháp và người giám định tư pháp theo vụ việc.

5. *Giám định viên tư pháp*là người đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền bổ nhiệm để thực hiện giám định tư pháp.

6. *Người giám định tư pháp theo vụ việc* là người đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 10 của Luật này, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận hoặc được trưng cầu, yêu cầu đích danh để thực hiện giám định.

7. *Tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc* là tổ chức có đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận hoặc được trưng cầu, yêu cầu để thực hiện giám định. Tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc bao gồm cơ quan, đơn vị nhà nước hoặc tổ chức tư nhân.

**Điều 3. Nguyên tắc thực hiện giám định tư pháp**

1. Tuân thủ pháp luật, tuân theo quy chuẩn chuyên môn và quy trình giám định.

2. Trung thực, chính xác, khách quan, vô tư, kịp thời.

3. Chỉ kết luận về chuyên môn những vấn đề trong phạm vi được yêu cầu.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận giám định.

**Điều 4. Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức đối với hoạt động giám định tư pháp**

1. Cá nhân, tổ chức được trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp có trách nhiệm tiếp nhận và thực hiện giám định tư pháp theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Cá nhân, tổ chức khác có trách nhiệm tạo điều kiện để người giám định tư pháp thực hiện giám định theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Điều 5. Chính sách của Nhà nước đối với hoạt động giám định tư pháp**

1. Nhà nước đầu tư, phát triển hệ thống tổ chức giám định tư pháp công lập trong các lĩnh vực có nhu cầu giám định lớn, thường xuyên để đáp ứng yêu cầu của hoạt động tố tụng; có chính sách ưu đãi tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức giám định tư pháp ngoài công lập phát triển và cho tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc hoặc tổ chức khác khi tham gia hoạt động giám định tư pháp.

2. Nhà nước có chính sách ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đối với người giám định tư pháp.

**Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm**

1. Từ chối đưa ra kết luận giám định tư pháp mà không có lý do chính đáng.

2. Cố ý đưa ra kết luận giám định tư pháp sai sự thật.

3. Cố ý kéo dài thời gian thực hiện giám định tư pháp hoặc lợi dụng việc trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp để gây khó khăn, cản trở hoạt động tố tụng.

4. Lợi dụng việc thực hiện giám định tư pháp để trục lợi; nhận bất kỳ khoản tiền hoặc lợi ích khác từ người trưng cầu, yêu cầu giám định hoặc người khác có liên quan ngoài khoản chi phí giám định, bồi dưỡng giám định theo quy định của pháp luật.

5. Tiết lộ bí mật thông tin mà mình biết được khi thực hiện giám định tư pháp.

6. Xúi giục, ép buộc người giám định tư pháp đưa ra kết luận giám định tư pháp sai sự thật.

7. Can thiệp, cản trở việc thực hiện giám định của người giám định tư pháp.

**Chương II**

**NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP**

**Mục 1**

**GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP**

**Điều 7. Tiêu chuẩn bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp**

1. Công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam có đủ các tiêu chuẩn sau đây có thể được xem xét, bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư­ pháp:

a) Có phẩm chất đạo đức tốt;

b) Có trình độ đại học trở lên và đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên;

c) Có chứng chỉ đã qua đào tạo hoặc bồi dưỡng kiến thức pháp lý và nghiệp vụ giám định tư pháp ở lĩnh vực hoặc chuyên ngành chuyên môn được đề nghị bổ nhiệm.

2. Trường hợp người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự đã trực tiếp giúp việc trong hoạt động giám định ở tổ chức giám định pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự thì thời gian thực tế hoạt động chuyên môn quy định tại điểm b khoản 1 Điều này là từ đủ 03 năm trở lên.

3. Người thuộc một trong các trường hợp sau đây không được bổ nhiệm giám định viên tư pháp:

a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

b) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đã bị kết án mà chưa được xóa án tích về tội phạm do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý; đã bị kết án về tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý;

c) Đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quy định chi tiết khoản 1 Điều này đối với giám định viên tư pháp ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của mình.

**Điều 8. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cấp, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp**

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao bổ nhiệm, miễn nhiệm, cấp và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp đối với người làm việc tại cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao ở lĩnh vực chuyên môn thuộc thẩm quyền quyền quản lý.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) bổ nhiệm, miễn nhiệm, cấp và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp đối với người làm việc tại cơ quan, đơn vị, tổ chức hoặc cá nhân tại địa phương.

2. Các trường hợp miễn nhiệm giám định viên tư pháp:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này;

b) Thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 7 của Luật này;

c) Bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính do cố ý vi phạm quy định của pháp luật về giám định tư pháp;

d) Có quyết định nghỉ hưu hoặc quyết định thôi việc, trừ trường hợp có văn bản thể hiện nguyện vọng tiếp tục tham gia hoạt động giám định tư pháp và cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp có nhu cầu sử dụng phù hợp với quy định của pháp luật;

đ) Chuyển đổi vị trí công tác hoặc chuyển công tác sang cơ quan, tổ chức khác mà không còn điều kiện phù hợp để tiếp tục thực hiện giám định tư pháp;

e) Theo đề nghị của giám định viên tư pháp. Trường hợp giám định viên tư pháp làm việc tại các cơ quan, tổ chức nhà nước thì phải được sự chấp thuận của cơ quan, tổ chức đó;

3. Người được miễn nhiệm giám định viên tư pháp theo quy định tại điểm d, đ, e khoản 2 Điều này được xem xét bổ nhiệm lại giám định viên tư pháp khi có đề nghị bổ nhiệm lại.

Trường hợp giám định viên tư pháp chuyển công tác từ cơ quan, đơn vị, tổ chức này sang cơ quan, đơn vị, tổ chức khác mà không thay đổi lĩnh vực hoặc chuyên ngành giám định thì không phải bổ nhiệm lại, cấp lại thẻ giám định viên tư pháp. Cơ quan, đơn vị, tổ chức ở nơi công tác mới cập nhật thông tin giám định viên tư pháp trong danh sách giám định viên tư pháp của tổ chức mình.

4. Chính phủ quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cấp, cấp lại, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp.

**Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của giám định viên tư pháp**

1. Quyền của giám định viên tư pháp:

a) Từ chối giám định theo quy định tại khoản 3 Điều 33 của Luật này.

b) Thành lập Văn phòng giám định tư pháp khi có đủ điều kiện quy định tại Điều 17 của Luật này.

c) Thành lập, tham gia hội giám định viên tư pháp theo quy định của pháp luật về hội.

d) Hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

đ) Các quyền quy định tại khoản 1 Điều 20 của Luật này.

2. Nghĩa vụ của giám định viên tư pháp:

a) Thực hiện giám định theo trưng cầu, yêu cầu của người trưng cầu, người yêu cầu giám định hoặc theo sự phân công của cơ quan, tổ chức được trưng cầu, yêu cầu.

b) Tham gia lớp bồi dưỡng kiến thức pháp lý và nghiệp vụ giám định tư pháp hằng năm.

c) Các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 20 và khoản 1 Điều 33 của Luật này.

**Mục 2**

**NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC**

**Điều 10. Tiêu chuẩn của người giám định tư pháp theo vụ việc**

1. Công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam có đủ tiêu chuẩn sau đây có thể được lựa chọn làm người giám định tư pháp theo vụ việc:

a) Có phẩm chất đạo đức tốt;

b) Có trình độ đại học trở lên và đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên.

2. Người không có trình độ đại học chỉ được lựa chọn, công nhận là người giám định tư pháp theo vụ việc trong trường hợp lĩnh vực chuyên môn hoặc ngành nghề, vấn đề cần giám định không có mã ngành đào tạo bậc đại học và người đó phải là người có kiến thức chuyên sâu, kinh nghiệm thực tiễn và kỹ năng chuyên môn ở lĩnh vực, ngành nghề cần giám định đó.

**Điều 11. Công nhận, huỷ bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc**

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ công nhận, hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc đối với người làm việc tại cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ ở lĩnh vực chuyên môn thuộc thẩm quyền quản lý.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận, hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc đối với người làm việc tại cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp hoặc cá nhân hành nghề ở địa phương.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lựa chọn cá nhân có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 10 Luật này để ban hành quyết định công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc. Danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc được công nhận là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng lựa chọn, quyết định việc trưng cầu giám định.

Trong trường hợp đặc biệt, người trưng cầu giám định có thể trưng cầu cá nhân có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 10 của Luật này không thuộc danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc đã công bố để thực hiện giám định. Người trưng cầu giám định nêu rõ lý do trong quyết định trưng cầu và chịu trách nhiệm về việc trưng cầu.

Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn cấp tỉnh có trách nhiệm giới thiệu cá nhân có đủ tiêu chuẩn tại Điều 10 của Luật này ngoài danh sách đã công bố để thực hiện giám định.

2. Các trường hợp hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 10 của Luật này;

b) Thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này;

c) Bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính do cố ý vi phạm quy định của pháp luật về giám định tư pháp;

d) Có quyết định nghỉ hưu hoặc quyết định thôi việc;

đ) Chuyển đổi vị trí công tác hoặc chuyển công tác sang cơ quan, tổ chức khác mà không còn điều kiện phù hợp để tiếp tục thực hiện giám định tư pháp;

e) Theo đề nghị của người giám định tư pháp theo vụ việc. Trường hợp người giám định viên tư pháp theo vụ việc làm việc tại các cơ quan, tổ chức nhà nước thì phải được sự chấp thuận của cơ quan, tổ chức đó.

**Điều 12.** **Quyền và nghĩa vụ của người giám định tư pháp theo vụ việc**

1. Quyền của người giám định tư pháp theo vụ việc:

a) Từ chối giám định theo quy định tại khoản 3 Điều 33 của Luật này;

b) Hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

c) Các quyền quy định tại khoản 1 Điều 20 của Luật này.

2. Nghĩa vụ của người giám định tư pháp theo vụ việc:

a) Thực hiện giám định theo trưng cầu, yêu cầu của người trưng cầu, người yêu cầu giám định hoặc theo sự phân công của cơ quan, tổ chức được trưng cầu, yêu cầu.

b) Tham gia lớp bồi dưỡng kiến thức pháp lý và nghiệp vụ giám định tư pháp hằng năm.

c) Các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 20 và khoản 1 Điều 33 của Luật này.

**Chương III**

**TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP**

**Mục 1**

**TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP CÔNG LẬP**

**Điều 13. Tổ chức giám định tư pháp công lập**

1. Tổ chức giám định tư pháp công lập được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần và kỹ thuật hình sự.

Trường hợp cần thiết, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định thành lập hoặc trình cơ quan có thẩm quyền thành lập tổ chức giám định tư pháp công lập trong các lĩnh vực khác sau khi thống nhất ý kiến với Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

2. Tổ chức giám định tư pháp công lập về pháp y bao gồm:

a) Viện pháp y quốc gia thuộc Bộ Y tế;

b) Trung tâm pháp y cấp tỉnh;

c) Viện pháp y quân đội thuộc Bộ Quốc phòng;

d) Trung tâm giám định pháp y thuộc Viện khoa học hình sự, Bộ Công an.

3. Tổ chức giám định tư pháp công lập về pháp y tâm thần bao gồm:

a) Viện pháp y tâm thần trung ương thuộc Bộ Y tế;

b) Trung tâm pháp y tâm thần khu vực thuộc Bộ Y tế.

Căn cứ yêu cầu giám định pháp y tâm thần của hoạt động tố tụng và điều kiện thực tế của các khu vực, vùng miền trong cả nước, Bộ trưởng Bộ Y tế xem xét, quyết định thành lập Trung tâm pháp y tâm thần khu vực sau khi thống nhất ý kiến với Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

4. Tổ chức giám định tư pháp công lập về kỹ thuật hình sự bao gồm:

a) Viện khoa học hình sự thuộc Bộ Công an;

b) Phòng kỹ thuật hình sự thuộc Công an cấp tỉnh;

c) Phòng giám định kỹ thuật hình sự thuộc Bộ Quốc phòng;

d) Phòng giám định kỹ thuật hình sự thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

5. Phòng giám định kỹ thuật hình sự thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hiện giám định về âm thanh và kỹ thuật số, điện tử.

Căn cứ vào nhu cầu và điều kiện thực tế của địa phương, Phòng kỹ thuật hình sự thuộc Công an cấp tỉnh có giám định viên pháp y thực hiện giám định pháp y tử thi.

6. Tổ chức giám định tư pháp công lập có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật.

Tổ chức giám định tư pháp công lập thực hiện giám định tư pháp theo trưng cầu của người trưng cầu giám định, yêu cầu của người tham gia tố tụng theo quy định của Luật này và được thực hiện dịch vụ giám định ngoài tố tụng theo trưng cầu, yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Chính phủ và bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên môn lĩnh vực giám định.

7. Chính phủ quy định chi tiết chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, chế độ làm việc của tổ chức giám định tư pháp công lập quy định tại khoản 2, khoản 3, các điểm a, b và c khoản 4 Điều này.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Phòng giám định kỹ thuật hình sự thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn.

**Mục 2**

**TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC**

**Điều 14. Tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc**

1. Tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc phải có đủ điều kiện sau đây:

a) Có tư cách pháp nhân;

b) Có năng lực chuyên môn phù hợp với nội dung được trưng cầu, yêu cầu giám định;

c) Có kinh nghiệm hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực hoặc chuyên ngành cần giám định từ đủ 05 năm trở lên;

d) Có điều kiện về cán bộ chuyên môn, cơ sở vật chất bảo đảm cho việc thực hiện giám định tư pháp.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quy định chi tiết điều kiện về năng lực chuyên môn, kinh nghiệm hoạt động của tổ chức được công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc thực hiện giám định theo trưng cầu, yêu cầu giám định theo quy định của Luật này.Người đứng đầu tổ chức có trách nhiệm tiếp nhận và phân công người thực hiện giám định tư pháp.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ thực hiện giám định tư pháp theo trưng cầu của người trưng cầu giám định.

**Điều 15. Công nhận, huỷ bỏ công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc**

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ công nhận, hủy bỏ công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc đối với cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ ở lĩnh vực chuyên môn thuộc thẩm quyền quyền quản lý để đáp ứng yêu cầu giám định của hoạt động tố tụng.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận, hủy bỏ công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp ở địa phương trên cơ sở nhu cầu thực tế của hoạt động tố tụng.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lựa chọn tổ chức có đủ điều kiện quy định tại Điều 14 Luật này để ban hành quyết định công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc. Danh sách tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc được công nhận là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng lựa chọn, quyết định việc trưng cầu giám định.

Trong trường hợp đặc biệt, người trưng cầu giám định có thể trưng cầu tổ chức có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 14 của Luật này mà không thuộc danh sách tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc đã công nhận để thực hiện giám định. Người trưng cầu giám định nêu rõ lý do trong quyết định trưng cầu và chịu trách nhiệm về việc trưng cầu.

Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn cấp tỉnh có trách nhiệm giới thiệu tổ chức có đủ tiêu chuẩn tại Điều 14 của Luật này ngoài danh sách đã công bố để thực hiện giám định.

3. Các trường hợp hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn quy định tại  Điều 14 của Luật này;

b) Bị xử phạt vi phạm hành chính do cố ý vi phạm quy định của pháp luật về giám định tư pháp;

c) Thực hiện một trong các hành vi quy định tại Điều 6 của Luật này.

**Mục 3**

**VĂN PHÒNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP**

**Điều 16. Văn phòng giám định tư pháp**

1. Văn phòng giám định tư pháp là tổ chức giám định tư pháp ngoài công lập, được thành lập trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, xây dựng và các chuyên ngành cổ vật, di vật, bản quyền tác giả, ADN, kỹ thuật số và điện tử.

2. Văn phòng giám định tư pháp do 01 giám định viên tư pháp thành lập thì được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân. Văn phòng giám định tư pháp do 02 giám định viên tư pháp trở lên thành lập thì được tổ chức và hoạt động theo loại hình công ty hợp danh.

Người đại diện theo pháp luật của Văn phòng giám định tư pháp là Trưởng văn phòng. Trưởng văn phòng giám định tư pháp phải là giám định viên tư pháp.

**Điều 17. Điều kiện thành lập Văn phòng giám định tư pháp**

1. Giám định viên tư pháp được thành lập Văn phòng giám định tư pháp khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có từ đủ 03 năm trở lên là giám định viên tư pháp và có hoạt động giám định trong lĩnh vực đề nghị thành lập Văn phòng;

b) Có Đề án thành lập Văn phòng giám định tư pháp.

2. Cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an nhân dân không được thành lập Văn phòng giám định tư pháp.

3. Chính phủ quy định việc thành lập, đăng ký hoạt động và chấm dứt hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp.

**Chương IV**

**HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP**

**Điều 18. Quyền, nghĩa vụ của người trưng cầu giám định tư pháp**

1. Người trưng cầu giám định có quyền:

a) Trưng cầu cá nhân, tổ chức chuyên môn quy định tại khoản 8 Điều 2 của Luật này thực hiện giám định;

b) Yêu cầu cá nhân, tổ chức quy định tại điểm a khoản 1 Điều này trả kết luận giám định đúng nội dung và thời hạn đã yêu cầu;

c) Yêu cầu cá nhân, tổ chức đã thực hiện giám định tư pháp giải thích kết luận giám định.

2. Người trưng cầu giám định có nghĩa vụ:

a) Xác định rõ nội dung, lĩnh vực hoặc chuyên ngành cần giám định trong vụ án, vụ việc đang giải quyết; lựa chọn cá nhân, tổ chức có năng lực, đủ điều kiện thực hiện giám định phù hợp với tính chất, nội dung cần giám định để ra quyết định trưng cầu giám định;

b) Ra quyết định trưng cầu giám định bằng văn bản;

c) Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu, mẫu vật có liên quan đến đối tượng, nội dung cần giám định ngay khi ban hành quyết định trưng cầu giám định.

Người trưng cầu giám định có trách nhiệm cung cấp bổ sung thông tin, tài liệu, mẫu vật có liên quan đến đối tượng, nội dung cần giám định trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày cá nhân, tổ chức thực hiện giám định yêu cầu. Trường hợp không cung cấp bổ sung trong thời hạn nêu trên, người trưng cầu giám định phải có văn bản thông báo gửi cá nhân, tổ chức thực hiện giám định và nêu rõ lý do.

Người trưng cầu giám định chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, tài liệu, mẫu vật có liên quan đến đối tượng, nội dung cần giám định do mình cung cấp.

d) Tạm ứng, thanh toán kịp thời, đầy đủ chi phí giám định tư pháp;

đ) Thực hiện hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật để bảo vệ người giám định tư pháp hoặc người thân thích của người giám định tư pháp khi có căn cứ xác định tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người giám định tư pháp hoặc người thân thích của người giám định tư pháp bị đe dọa do việc thực hiện giám định tư pháp, tham gia vụ án, vụ việc với tư cách là người giám định tư pháp.

e) Thông báo bằng văn bản cho tổ chức, người thực hiện giám định biết việcngừng tiến hành giải quyết vụ việc hoặc dừng việc thực hiện giám định; việc không sử dụng kết luận giám định để giải quyết vụ việc, vụ án và nêu rõ lý do.

**Điều 19. Quyền, nghĩa vụ của người yêu cầu giám định tư pháp**

1. Người yêu cầu giám định có quyền gửi văn bản yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trưng cầu giám định. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng không chấp nhận yêu cầu thì trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu trưng cầu giám định, phải thông báo cho người yêu cầu giám định bằng văn bản. Hết thời hạn nói trên hoặc kể từ ngày nhận được thông báo từ chối trưng cầu giám định, người yêu cầu giám định có quyền tự mình yêu cầu giám định.

2. Người yêu cầu giám định có quyền:

a) Yêu cầu cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp trả kết luận giám định đúng thời hạn đã thỏa thuận và theo nội dung đã yêu cầu;

b) Yêu cầu cá nhân, tổ chức đã thực hiện giám định tư pháp giải thích kết luận giám định;

c) Đề nghị Tòa án triệu tập người giám định tư pháp đã thực hiện giám định tham gia phiên tòa để giải thích, trình bày về kết luận giám định;

d) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trưng cầu giám định lại; yêu cầu giám định bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật này.

3. Người yêu cầu giám định tư pháp có nghĩa vụ:

a) Cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến đối tượng giám định theo yêu cầu của người giám định tư pháp và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, tài liệu do mình cung cấp;

b) Nộp tạm ứng chi phí giám định tư pháp khi yêu cầu giám định; thanh toán kịp thời, đầy đủ chi phí giám định cho cá nhân, tổ chức thực hiện giám định khi nhận kết luận giám định.

**Điều 20.** **Quyền, nghĩa vụ của người thực hiện giám định tư pháp**

1. Người giám định tư pháp có quyền:

a) Lựa chọn phương pháp cần thiết, phù hợp để tiến hành giám định theo nội dung yêu cầu giám định;

b) Sử dụng kết quả thực nghiệm, xét nghiệm bổ sung hoặc kết luận chuyên môn do cá nhân, tổ chức khác thực hiện nhằm phục vụ cho việc giám định;

c) Độc lập đưa ra kết luận giám định.

d) Đề nghị người trưng cầu giám định hoặc cơ quan có thẩm quyền thực hiện biện pháp bảo vệ theo quy định của pháp luật khi có dấu hiệu bị đe dọa đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của bản thân hoặc người thân thích do việc thực hiện giám định tư pháp, tham gia vụ án, vụ việc với tư cách là người giám định tư pháp;

đ) Từ chối thực hiện giám định tư pháp trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 33 của Luật này;

e) Được bố trí vị trí phù hợp khi tham gia tố tụng tại phiên tòa;

g) Được hưởng thù lao hoặc tiền bồi dưỡng giám định; được hưởng bồi dưỡng tham dự phiên toà và chi phí cần thiết cho việc tham dự phiên toà do toà án triệu tập chi trả;

h) Được miễn trừ trách nhiệm công vụ, trách nhiệm pháp lý khi đưa ra kết luận giám định trừ trường hợp cố ý làm sai lệch kết luận giám định.

2. Người giám định tư pháp có nghĩa vụ:

a) Tuân thủ các nguyên tắc, quy trình thực hiện giám định tư pháp;

b) Thực hiện giám định theo đúng nội dung yêu cầu giám định;

c) Thực hiện và trả kết luận giám định đúng thời hạn yêu cầu; trong trường hợp cần thiết phải có thêm thời gian để thực hiện giám định thì phải thông báo kịp thời cho người trưng cầu, yêu cầu giám định biết;

d) Lập hồ sơ giám định;

đ) Bảo quản mẫu vật giám định, tài liệu liên quan đến vụ việc giám định;

e) Không được thông báo kết quả giám định cho người khác, trừ trường hợp được người đã trưng cầu, yêu cầu giám định đồng ý bằng văn bản;

g) Chịu trách nhiệm cá nhân về kết luận giám định do mình đưa ra. Trường hợp cố ý đưa ra kết luận giám định sai sự thật gây thiệt hại cho cá nhân, tổ chức thì còn phải bồi thường, bồi hoàn theo quy định của pháp luật.

3. Ngoài các quyền, nghĩa vụ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, người giám định tư pháp có quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về tố tụng.

**Điều 21. Quyền, nghĩa vụ của tổ chức được trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp**

1. Tổ chức được trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp có quyền:

a) Yêu cầu người trưng cầu, người yêu cầu giám định cung cấp kịp thời, đầy đủ thông tin, tài liệu, mẫu vật cần thiết cho việc giám định;

b) Từ chối tiếp nhận trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật này;

c) Được nhận tạm ứng chi phí giám định tư pháp khi tiếp nhận trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp; được thanh toán kịp thời, đầy đủ chi phí giám định tư pháp khi trả kết quả giám định.

2. Tổ chức được trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp có nghĩa vụ:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp, phải phân công người có trình độ chuyên môn, khả năng nghiệp vụ phù hợp với nội dung trưng cầu, yêu cầu giám định, chịu trách nhiệm về năng lực chuyên môn của người đó và thông báo cho người trưng cầu, người yêu cầu giám định, trừ trường hợp pháp luật quy định thời hạn ngắn hơn.

Người đứng đầu tổ chức được trưng cầu, yêu cầu giám định có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc việc tổ chức thực hiện giám định, trường hợp cần có từ 02 người trở lên thực hiện vụ việc giám định thì phải phân công người chịu trách nhiệm điều phối việc thực hiện giám định; thực hiện các biện pháp phòng, chống tiêu cực trong quá trình tiếp nhận, thực hiện giám định.

b) Bảo đảm thời gian, trang thiết bị, phương tiện và các điều kiện cần thiết khác cho việc thực hiện giám định.

Trong quá trình thực hiện giám định, nếu có nội dung mới hoặc vấn đề khác phát sinh thì cá nhân, tổ chức thực hiện giám định phải thông báo ngay bằng văn bản cho người trưng cầu, người yêu cầu giám định biết để thống nhất phương án giải quyết;

c) Bồi thường thiệt hại trong trường hợp người thực hiện giám định do mình phân công cố ý kết luận giám định sai, gây thiệt hại cho cá nhân, tổ chức;

d) Trường hợp từ chối tiếp nhận trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp thì phải thông báo cho người trưng cầu, người yêu cầu giám định bằng văn bản và nêu rõ lý do trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định trưng cầu, yêu cầu giám định, trừ trường hợp pháp luật quy định thời hạn ngắn hơn;

đ) Chịu trách nhiệm về kết luận giám định tư pháp do mình đưa ra.

**Điều 22. Trưng cầu giám định tư pháp**

1. Trưng cầu giám định trong tố tụng hình sự được thực hiện trong trường hợp bắt buộc theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự hoặc trong trường hợp chứng cứ, tài liệu đã thu thập chưa đủ làm rõ những vấn đề phải chứng minh, mà cần có kết luận về chuyên môn những vấn đề có liên quan để xem xét, đánh giá nhằm củng cố chứng cứ hoặc quyết định việc tiến hành các hoạt động tố tụng hình sự tiếp theo.

Trường hợp chứng cứ, tài liệu thu thập đã đủ để làm rõ những vấn đề phải chứng minh nhưng cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng cần thêm thông tin chuyên môn để xem xét, đánh giá thì trao đổi trực tiếp, tổ chức họp hoặc lấy ý kiến chuyên môn của tổ chức, cá nhân có liên quan bằng văn bản mà không trưng cầu giám định.

2. Người trưng cầu giám định quyết định trưng cầu giám định tư pháp bằng văn bản và gửi quyết định kèm theo đối tượng giám định, thông tin, tài liệu, đồ vật có liên quan (nếu có) đến cá nhân, tổ chức thực hiện giám định. Trường hợp đối tượng giám định, thông tin, tài liệu, đồ vật có liên quan không thể gửi kèm theo quyết định trưng cầu giám định thì người trưng cầu giám định có trách nhiệm làm thủ tục bàn giao cho cá nhân, tổ chức thực hiện giám định.

3. Quyết định trưng cầu giám định phải có các nội dung sau đây:

a) Tên cơ quan trưng cầu giám định; họ, tên người có thẩm quyền trưng cầu giám định;

b) Tên tổ chức; họ, tên người được trưng cầu giám định;

c) Tóm tắt nội dung sự việc;

d) Tên và đặc điểm của đối tượng cần giám định;

đ) Tên tài liệu, đồ vật có liên quan hoặc mẫu so sánh gửi kèm theo (nếu có);

e) Nội dung yêu cầu giám định, chỉ nêu câu hỏi về chuyên môn, không yêu cầu cá nhân, tổ chức giám định tư pháp được trưng cầu phải trả lời câu hỏi thuộc trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Câu hỏi phải cụ thể, rõ ràng, phù hợp với đối tượng cần giám định, thông tin, tài liệu, đồ vật, mẫu vật giám định.

g) Ngày, tháng, năm trưng cầu giám định và thời hạn trả kết luận giám định tư pháp.

3. Trường hợp trưng cầu giám định bổ sung hoặc trưng cầu giám định lại thì quyết định trưng cầu giám định phải ghi rõ là trưng cầu giám định bổ sung hoặc trưng cầu giám định lại và lý do của việc giám định bổ sung hoặc giám định lại.

4. Trong trường hợp cần thiết, trước khi ra quyết định trưng cầu giám định, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trao đổi với cá nhân, tổ chức dự kiến được trưng cầu giám định và cơ quan có liên quan về nội dung trưng cầu, thời hạn giám định, thông tin, tài liệu, mẫu vật cần cho việc giám định và các vấn đề khác có liên quan (nếu có).

5. Trường hợp nội dung cần giám định liên quan đến nhiều lĩnh vực, thuộc trách nhiệm của nhiều tổ chức thì người trưng cầu giám định phải tách riêng từng nội dung để trưng cầu tổ chức có chuyên môn phù hợp thực hiện giám định.

Trường hợp các nội dung giám định liên quan đến nhiều lĩnh vực chuyên môn có quan hệ mật thiết với nhau, thuộc trách nhiệm của nhiều tổ chức mà việc tách riêng từng nội dung gây khó khăn cho việc thực hiện giám định, ảnh hưởng đến tính chính xác của kết quả giám định hoặc kéo dài thời gian giám định thì người trưng cầu giám định phải xác định được nội dung chính cần giám định để xác định tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp trong việc thực hiện giám định.

Tổ chức chủ trì có trách nhiệm làm đầu mối tổ chức triển khai việc giám định chung và thực hiện giám định phần nội dung chuyên môn của mình.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định trưng cầu giám định, tổ chức được trưng cầu giám định tư pháp phải có văn bản cử người giám định gửi người trưng cầu giám định; đối với tổ chức phối hợp thực hiện giám định thì còn phải gửi văn bản cử người giám định cho tổ chức chủ trì việc thực hiện giám định. Tổ chức chủ trì phải tổ chức ngay việc giám định sau khi nhận được văn bản cử người của tổ chức phối hợp thực hiện giám định. Việc giám định trong trường hợp này được thực hiện theo hình thức giám định tập thể thuộc nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau quy định tại khoản 3 Điều 26 của Luật này.

Trường hợp phát sinh vướng mắc trong việc trưng cầu, phối hợp thực hiện giám định, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng chủ trì, phối hợp với tổ chức được trưng cầu để giải quyết.

6. Tổ chức giám định tư pháp, tổ chức chuyên môn, người giám định tư pháp ở địa phương có trách nhiệm tiếp nhận trưng cầu và thực hiện giám định do cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng ở cấp địa phương và cấp trung ương trưng cầu.

Tổ chức giám định, tổ chức chuyên môn, người giám định tư pháp ở Trung ương có trách nhiệm tiếp nhận trưng cầu và thực hiện giám định do cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng cấp trung ương trưng cầu và do cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng ở cấp địa phương trưng cầu trong trường hợp giám định lại vụ việc mà tổ chức giám định, tổ chức chuyên môn, người giám định tư pháp ở địa phương đã thực hiện.

Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về chuyên môn ở lĩnh vực, chuyên ngành nào thì có trách nhiệm chỉ đạo việc tiếp nhận, thực hiện vụ việc giám định ở lĩnh vực chuyên môn đó khi được trưng cầu.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quy định chi tiết việc tiếp nhận trưng cầu, thực hiện giám định ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý.

Cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng, đề nghị bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định tư pháp ban hành quy định chi tiết việc tiếp nhận trưng cầu, thực hiện giám định ở lĩnh vực theo thẩm quyền.

**Điều 23**. **Yêu cầu giám định tư pháp trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính, vụ án hình sự**

1. Người yêu cầu giám định phải gửi văn bản yêu cầu giám định kèm theo đối tượng giám định, các tài liệu, đồ vật có liên quan (nếu có) và bản sao giấy tờ chứng minh mình là đương sự trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án hình sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ đến cá nhân, tổ chức thực hiện giám định.

2. Văn bản yêu cầu giám định tư pháp phải có các nội dung sau đây:

a) Tên tổ chức hoặc họ, tên người yêu cầu giám định;

b) Nội dung yêu cầu giám định;

c) Tên và đặc điểm của đối tượng giám định;

d) Tên tài liệu có liên quan hoặc mẫu so sánh gửi kèm theo (nếu có);

đ) Ngày, tháng, năm yêu cầu giám định và thời hạn trả kết luận giám định;

e) Chữ ký, họ, tên người yêu cầu giám định.

**Điều 24. Thời hạn giám định tư pháp**

1. Thời hạn giám định tư pháp được tính từ ngày cá nhân, tổ chức được trưng cầu giám định nhận được quyết định trưng cầu giám định và kèm theo đầy đủ hồ sơ, đối tượng giám định, thông tin, tài liệu, đồ vật, mẫu vật cần thiết cho việc giám định.

Trong quá trình thực hiện giám định, trường hợp cần phải bổ sung thêm hồ sơ, tài liệu làm cơ sở cho việc giám định thì cá nhân, tổ chức được trưng cầu có văn bản đề nghị người đã trưng cầu giám định bổ sung hồ sơ, tài liệu. Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm phát hiện hoặc xác định được việc cần bổ sung thông tin, tài liệu thì các cá nhân, tổ chức được trưng cầu giám định có văn bản đề nghị cơ quan trưng cầu cung cấp bổ sung thông tin, tài liệu. Thời gian từ khi cá nhân, tổ chức được trưng cầu giám định có văn bản đề nghị đến khi nhận được hồ sơ, tài liệu bổ sung không tính vào thời hạn giám định.

2. Thời hạn giám định tư pháp đối với các trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định tư pháp được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

3. Thời hạn giám định tư pháp đối với các trường hợp không thuộc quy định tại khoản 2 Điều này tối đa là 02 tháng. Trường hợp vụ việc giám định có tính chất phức tạp hoặc khối lượng công việc lớn thì thời hạn giám định tối đa là 03 tháng.

Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định tư pháp căn cứ vào thời hạn giám định tối đa và tính chất chuyên môn của lĩnh vực giám định quy định thời hạn giám định tư pháp cho từng loại việc cụ thể. Thời hạn giám định tư pháp có thể được gia hạn theo quyết định của cơ quan trưng cầu giám định nhưng không quá một phần hai thời hạn giám định tối đa đối với loại việc đó.

4. Người trưng cầu giám định có thể thống nhất về thời hạn giám định với cá nhân, tổ chức được trưng cầu giám định trước khi trưng cầu giám định tư pháp nhưng không được vượt quá thời hạn quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

5. Trường hợp có vấn đề phát sinh hoặc có cơ sở cho rằng vụ việc giám định không thể hoàn thành đúng thời hạn thì cá nhân, tổ chức thực hiện giám định phải kịp thời thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do cho người trưng cầu giám định và thời gian dự kiến hoàn thành, ra kết luận giám định.

**Điều 25. Giao nhận hồ sơ trưng cầu, yêu cầu giám định**

1. Hồ sơ, đối tượng trưng cầu, yêu cầu giám định được giao, nhận trực tiếp hoặc gửi cho cá nhân, tổ chức thực hiện giám định qua đường bưu chính.

2. Việc giao, nhận trực tiếp hồ sơ, đối tượng trưng cầu, yêu cầu giám định phải được lập thành biên bản. Biên bản giao, nhận phải có nội dung sau đây:

a) Thời gian, địa điểm giao, nhận hồ sơ giám định;

b) Họ, tên người đại diện của bên giao và bên nhận đối tượng giám định;

c) Quyết định trưng cầu hoặc văn bản yêu cầu giám định và thành phần hồ sơ trưng cầu giám định; đối tượng cần giám định; tài liệu, đồ vật có liên quan;

d) Cách thức bảo quản đối tượng giám định, tài liệu, đồ vật có liên quan khi giao, nhận;

đ) Tình trạng đối tượng giám định, tài liệu, đồ vật có liên quan khi giao, nhận;

e) Chữ ký của người đại diện bên giao và bên nhận đối tượng giám định.

3. Việc gửi hồ sơ, đối tượng trưng cầu, yêu cầu giám định qua đường bưu chính phải được thực hiện theo hình thức gửi dịch vụ có số hiệu. Cá nhân, tổ chức nhận hồ sơ được gửi theo dịch vụ có số hiệu có trách nhiệm bảo quản, khi mở niêm phong phải lập biên bản theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Việc gửi hồ sơ trưng cầu, yêu cầu giám định bằng văn bản điện tử được thực hiện theo quy định của pháp luật về việc gửi, nhận văn bản điện tử.

4. Đối với việc giao, nhận đối tượng giám định pháp y, pháp y tâm thần là con người thì người trưng cầu, yêu cầu giám định có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cá nhân, tổ chức được trưng cầu giám định bố trí lực lượng chuyên trách quản lý đối tượng giám định trong quá trình thực hiện giám định theo quy định của Chính phủ.

5. Khi việc thực hiện giám định hoàn thành, cá nhân, tổ chức thực hiện giám định có trách nhiệm giao lại đối tượng giám định cho người trưng cầu, yêu cầu giám định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Người trưng cầu, yêu cầu giám định có trách nhiệm nhận lại đối tượng giám định theo quy định của pháp luật.

Việc giao, nhận lại đối tượng giám định sau khi việc giám định đã hoàn thành được thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

**Điều 26. Giám định cá nhân, giám định tập thể**

1. Giám định cá nhân là việc giám định do 01 người thực hiện. Giám định tập thể là việc giám định do 02 người trở lên thực hiện.

2. Trong trường hợp giám định cá nhân thì người giám định thực hiện việc giám định, ký vào bản kết luận giám định và chịu trách nhiệm cá nhân về kết luận giám định đó.

3. Trong trường hợp giám định tập thể về một lĩnh vực hoặc chuyên ngành chuyên môn thì những người giám định cùng thực hiện việc giám định, ký vào bản kết luận giám định chung và cùng chịu trách nhiệm về kết luận giám định đó.

Trường hợp có ý kiến, kết luận giám định khác nhau giữa những người thực hiện giám định, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức được trưng cầu giám định có trách nhiệm tổ chức họp chuyên môn đối với những người thực hiện giám định do mình phân công hoặc cử thực hiện để trao đổi, thảo luận, nêu ý kiến về chuyên môn, nghiệp vụ của vấn đề cần giám định nhằm giúp người giám định có thêm thông tin, luận chứng, luận cứ rõ ràng, sáng tỏ hơn cho việc kết luận giám định.

Trường hợp không thống nhất được ý kiến, kết luận giám định theo hình thức đa số và người có ý kiến khác được bảo lưu, ghi riêng ý kiến trong bản kết luận và chịu trách nhiệm về ý kiến đó.

4. Trường hợp giám định tập thể thuộc nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau thì mỗi người giám định thực hiện phần việc giám định thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình và chịu trách nhiệm cá nhân về phần kết luận giám định đó.

**Điều 27. Giám định bổ sung, giám định lại**

1. Việc giám định bổ sung được thực hiện trong trường hợp nội dung kết luận giám định chưa rõ, chưa đầy đủ hoặc khi phát sinh vấn đề mới liên quan đến tình tiết của vụ án, vụ việc đã được kết luận giám định trước đó. Việc trưng cầu, yêu cầu giám định bổ sung được thực hiện như giám định lần đầu.

2. Việc giám định lại được thực hiện trong trường hợp có nghi ngờ cho rằng kết luận giám định lần đầu không chính xác hoặc trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 28 của Luật này.

3. Người trưng cầu giám định tự mình hoặc theo đề nghị của người yêu cầu giám định quyết định việc trưng cầu giám định lại. Trường hợp người trưng cầu giám định không chấp nhận yêu cầu giám định lại thì phải thông báo cho người yêu cầu giám định bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Điều 28. Hội đồng giám định**

1. Trong trường hợp có sự khác nhau giữa kết luận giám định lần đầu và kết luận giám định lại về cùng một nội dung giám định thì việc giám định lại lần thứ hai do người trưng cầu giám định quyết định. Việc giám định lại lần thứ hai phải do Hội đồng giám định thực hiện.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quản lý về lĩnh vực cần giám định quyết định thành lập Hội đồng để thực hiện giám định lại lần thứ hai và có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc việc tổ chức thực hiện giám định. Hội đồng giám định gồm có ít nhất 03 thành viên là những người có chuyên môn cao và có uy tín trong lĩnh vực cần giám định. Hội đồng giám định hoạt động theo cơ chế giám định tập thể quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 26 của Luật này.

2. Trong trường hợp đặc biệt, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao là chủ tọa phiên tòa quyết định việc giám định lại sau khi đã có kết luận của Hội đồng giám định.

**Điều 29. Văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định tư pháp**

1. Người thực hiện giám định tư pháp phải ghi nhận kịp thời, đầy đủ, trung thực bằng văn bản toàn bộ quá trình thực hiện vụ việc giám định.

2. Văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định tư pháp nêu rõ tình trạng đối tượng gửi giám định và thông tin, tài liệu có liên quan gửi kèm theo làm căn cứ để thực hiện giám định, thời gian, địa điểm, nội dung công việc, tiến độ, phương pháp thực hiện giám định, kết quả thực hiện, có chữ ký của người giám định tư pháp và được lưu trong hồ sơ giám định.

3. Văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định tư pháp theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành.

**Điều 30. Kết luận giám định tư pháp**

1. Kết luận giám định tư pháp phải bằng văn bản, bao gồm các nội dung sau đây:

a) Họ, tên người giám định tư pháp; tổ chức thực hiện giám định tư pháp;

b) Tên cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, họ, tên người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trưng cầu giám định tư pháp; số văn bản trưng cầu giám định hoặc họ, tên người yêu cầu giám định;

c) Thông tin xác định đối tượng giám định;

d) Thời gian nhận văn bản trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp;

đ) Nội dung yêu cầu giám định;

e) Phương pháp thực hiện giám định;

g) Kết luận rõ ràng, cụ thể về nội dung chuyên môn của đối tượng cần giám định theo trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp;

h) Thời gian, địa điểm thực hiện, hoàn thành việc giám định.

2. Trong trường hợp trưng cầu, yêu cầu cá nhân thực hiện giám định tư pháp thì bản kết luận giám định tư pháp phải có chữ ký và ghi rõ họ, tên của người giám định tư pháp.

Trường hợp trưng cầu, yêu cầu tổ chức thực hiện giám định tư pháp thì ngoài chữ ký, họ, tên của người giám định, người đứng đầu tổ chức còn phải ký tên, đóng dấu vào bản kết luận giám định tư pháp và tổ chức được trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp phải chịu trách nhiệm về kết luận giám định tư pháp.

Trường hợp Hội đồng giám định quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật này thực hiện giám định thì người có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng phải ký tên, đóng dấu vào bản kết luận giám định tư pháp và chịu trách nhiệm về tư cách pháp lý của Hội đồng giám định.

Trường hợp việc giám định được thực hiện theo quy định tại đoạn thứ hai của khoản 5 Điều 22 Luật này thì ngoài chữ ký, họ, tên của người giám định, người đứng đầu tổ chức chủ trì và phối hợp còn phải ký tên đóng dấu vào bản kết luận giám định.

3. Trong trường hợp việc giám định được thực hiện trước khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự, theo đúng trình tự, thủ tục do Luật này quy định thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể sử dụng kết luận giám định đó như kết luận giám định tư pháp.

4. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng khi xem xét, đánh giá, sử dụng kết luận giám định phải bảo đảm thống nhất, phù hợp với các chứng cứ khác có liên quan đến vụ án, vụ việc. Trường hợp các kết luận giám định khác nhau về cùng một nội dung, trong đó đã có kết luận giám định lại trong trường hợp quy định tại Điều 212 Bộ luật Tố tụng hình sự, mà các cơ quan tiến hành tố tụng vẫn không thống nhất được về việc sử dụng kết luận giám định làm căn cứ để giải quyết vụ án, vụ việc thì cơ quan tiến hành tố tụng đang thụ lý vụ án, vụ việc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, đánh giá và quyết định việc sử dụng kết luận giám định tư pháp trên cơ sở các tiêu chí quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Các tiêu chí đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp bao gồm:

a) Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người giám định;

b) Phương pháp, quy trình thực hiện giám định;

c) Trang thiết bị, phương tiện chuyên dụng sử dụng thực hiện giám định;

d) Sự độc lập, khách quan của việc thực hiện giám định.

5. Kết luận giám định theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành.

**Điều 31. Đình chỉ việc thực hiện giám định**

1. Trường hợp đề nghị dừng việc giám định hoặc không cần đến kết luận giám định cho việc giải quyết vụ án, vụ việc thì người trưng cầu, yêu cầu giám định có văn bản về việc đình chỉ việc thực hiện giám định.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ thời điểm xác định được không cần có kết luận giám định, người trưng cầu giám định hoặc cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết vụ việc, vụ án hoặc người yêu cầu giám định có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan, người giám định biết về việc dừng, đình chỉ việc thực hiện giám định.

2. Người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp được chi trả chi phí cần cho việc triển khai, thực hiện việc giám định đã phát sinh theo quy định về chi phí giám định.

**Điều 32. Hồ sơ giám định tư pháp**

1. Hồ sơ giám định tư pháp do người thực hiện giám định tư pháp lập bao gồm:

a) Quyết định trưng cầu, văn bản yêu cầu giám định và tài liệu kèm theo (nếu có);

b) Biên bản giao, nhận hồ sơ, đối tượng trưng cầu, yêu cầu giám định;

c) Văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định;

d) Bản ảnh giám định (nếu có);

đ) Kết luận giám định trước đó hoặc kết quả xét nghiệm, thực nghiệm giám định do người khác thực hiện (nếu có);

e) Tài liệu khác có liên quan đến việc giám định (nếu có);

g) Kết luận giám định tư pháp.

2. Hồ sơ giám định tư pháp phải được lập theo mẫu thống nhất.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có trách nhiệm quy định chi tiết về mẫu, thành phần hồ sơ từng loại việc giám định và chế độ lưu trữ hồ sơ giám định tư pháp ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Tổ chức được trưng cầu, thực hiện giám định tư pháp chịu trách nhiệm bảo quản, lưu trữ hồ sơ giám định tư pháp do người giám định thuộc tổ chức mình thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ và quy định của bộ, ngành, cơ quan mình.

Người thực hiện giám định có trách nhiệm bàn giao hồ sơ giám định tư pháp cho cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp theo quy định của pháp luật về lưu trữ và quy định của bộ, ngành, cơ quan mình.

4. Hồ sơ giám định tư pháp được xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng giải quyết vụ án hình sự, vụ án hành chính, vụ việc dân sự.

**Điều 33. Các trường hợp từ chối, không được thực hiện giám định tư pháp**

1. Người thuộc một trong các trường hợp sau đây thì không được thực hiện giám định tư pháp:

a) Thuộc một trong các trường hợp mà pháp luật về tố tụng quy định phải từ chối tham gia tố tụng hoặc bị thay đổi;

b) Được trưng cầu giám định lại về cùng một nội dung trong vụ án, vụ việc mà mình đã thực hiện giám định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Tổ chức thuộc một trong các trường hợp sau đây thì không được thực hiện giám định tư pháp:

a) Có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vụ việc theo quy định của pháp luật về tố tụng;

b) Có căn cứ rõ ràng khác để cho rằng tổ chức này có thể không khách quan, vô tư trong khi thực hiện giám định.

3. Người thực hiện giám định, tổ chức giám định được từ chối thực hiện giám định trong các trường hợp sau:

a) Nội dung trưng cầu, yêu cầu giám định không phù hợp với phạm vi chuyên môn của người, tổ chức được trưng cầu giám định;

b) Không có đủ năng lực, điều kiện cần thiết cho việc thực hiện giám định;

c) Đối tượng giám định, tài liệu liên quan được cung cấp không đầy đủ hoặc không có giá trị để kết luận giám định tư pháp sau khi đã đề nghị người trưng cầu, người yêu cầu giám định bổ sung, làm rõ nhưng không được đáp ứng;

d) Thời gian không đủ để thực hiện giám định;

đ) Tính độc lập, khách quan của việc thực hiện giám định không được bảo đảm.

**Điều 34. Tương trợ tư pháp về giám định tư pháp**

1. Việc yêu cầu cá nhân, tổ chức nước ngoài thực hiện giám định tư pháp chỉ được thực hiện nếu đối tượng cần giám định đang ở nước ngoài hoặc khả năng chuyên môn, điều kiện về trang thiết bị, phương tiện giám định của cá nhân, tổ chức giám định tư pháp trong nước không đáp ứng được yêu cầu giám định.

2. Cá nhân, tổ chức giám định tư pháp có trách nhiệm tiếp nhận và thực hiện giám định tư pháp theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng nước ngoài.

3. Trình tự, thủ tục, chi phí thực hiện tương trợ tư pháp về giám định tư pháp giữa Việt Nam và nước ngoài theo quy định của pháp luật về tương trợ tư pháp.

**Chương V**

**CHI PHÍ, CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH TRONG HOẠT ĐỘNG**

**GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP**

**Điều 35. Chi phí giám định tư pháp**

1. Chi phí giám định tư pháp là khoản tiền cần thiết, hợp lý và thực tế cho việc triển khai, thực hiện việc giám định của tổ chức, cá nhân thực hiện giám định tư pháp theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

Chi phí giám định tư pháp của các tổ chức giám định tư pháp công lập được xác định cơ bản bảo đảm bù đắp chi phí, có tính đến chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ, bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công dân, theo quy định của Bộ Tài chính trên cơ sở đề nghị của Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên môn lĩnh vực giám định.

Chi phí giám định tư pháp của cơ quan hành chính nhà nước là những chi phí thực tế phát sinh, áp dụng quy định pháp luật về định mức chi phí hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực đó.

Chi phí giám định tư pháp của đơn vị sự nghiệp có thu, Văn phòng giám định tư pháp và tổ chức, cá nhân chuyên môn thuộc khu vực ngoài nhà nước thì thực hiện theo cơ chế giá dịch vụ do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quản lý chuyên môn lĩnh vực giám định quy định.

2. Kinh phí thực hiện giám định tư pháp của các tổ chức giám định tư pháp công lập, cơ quan, đơn vị nhà nước trong các vụ việc, vụ án mà thuộc trách nhiệm Nhà nước phải chi trả thì được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo dự toán hằng năm của tổ chức, cơ quan, đơn vị đó theo quy định của Bộ Tài chính.

Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm lập dự toán, chi trả chi phí giám định khi trưng cầu các tổ chức, cá nhân thực không do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động, thực hiện giám định.

3. Trường hợp tổ chức giám định tư pháp công lập thực hiện giám định trong các vụ việc, vụ án mà không thuộc trách nhiệm chi trả của Nhà nước hoặc cung cấp dịch vụ giám định ngoài tố tụng thì được thu chi phí giám định theo quy định tại khoản 1 điều này và phải nộp vào ngân sách nhà nước, trường hợp được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu chi phí giám định thì được khấu trừ, phần còn lại nộp ngân sách nhà nước.

Trường hợp tổ chức giám định tư pháp công lập là đơn vị sự nghiệp công lập thì chi phí giám định thu được được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền chi phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu chi phí trên cơ sở dự toán được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, phần còn lại nộp ngân sách nhà nước.

4. Chính phủ quy định chi tiết khoản này.

**Điều 36. Chính sách, chế độ trong hoạt động giám định tư pháp**

1. Giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc, người giúp việc cho giám định viên tư pháp đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước, người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao trách nhiệm có mặt, thực hiện nhiệm vụ trong thời gian thực hiện giám định đối với trường hợp khám nghiệm tử thi, mổ tử thi, khai quật tử thi thì được hưởng bồi dưỡng giám định tư pháp theo vụ việc giám định theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Việc thực hiện giám định tư pháp của công chức, viên chức, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an nhân dân là hoạt động công vụ. Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp có trách nhiệm bảo đảm đủ thời gian và các điều kiện cần thiết khác cho việc thực hiện giám định.

3. Ngoài chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp quy định tại khoản 1 Điều này, giám định viên tư pháp, người giúp việc cho giám định viên tư pháp làm việc tại các tổ chức giám định tư pháp công lập được hưởng phụ cấp ưu đãi nghề và các phụ cấp khác theo quy định của Chính phủ hoặc cơ quan có thẩm quyền khác.

4. Người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc có đóng góp tích cực cho hoạt động giám định tư pháp thì được tôn vinh, khen thưởng.

5. Người giám định tư pháp không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc không do Nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động tiếp nhận và thực hiện giám định tư pháp trên cơ sở thỏa thuận với người trưng cầu giám định, người yêu cầu giám định.

Tổ chức giám định tư pháp ngoài công lập được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định của Chính phủ.

6. Bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào khả năng, điều kiện thực tế và thẩm quyền của mình quy định chế độ, chính sách khác để thu hút chuyên gia, tổ chức có năng lực tham gia hoạt động giám định tư pháp.

**Chương VI**

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP, TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN TIẾN HÀNH TỐ TỤNG ĐỐI VỚI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP**

**Điều 37. Nội dung, cơ quan quản lý nhà nước về giám định tư pháp**

1. Quản lý nhà nước về giám định tư pháp gồm những nội dung sau đây:

a) Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về giám định tư pháp.

b) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, hợp tác quốc tế về giám định tư pháp.

c) Thành lập tổ chức giám định tư pháp công lập; cấp phép thành lập và đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp.

d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp, cấp, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp; công nhận và huỷ bỏ công nhận người, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc; đăng tải và cập nhật danh sách cá nhân, tổ chức giám định tư pháp lập.

đ) Bảo đảm kinh phí, trang thiết bị, phương tiện giám định và điều kiện vật chất cho hoạt động giám định tư pháp của các cơ quan, đơn vị nhà nước.

e) Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và kiến thức pháp luật cần thiết cho đội ngũ người giám định tư pháp.

g) Quản lý, giám sát việc tiếp nhận, thực hiện giám định tư pháp; cung cấp và quản lý hoạt động dịch vụ giám định ngoài tố tụng của các tổ chức giám định tư pháp công lập.

h) Thống kê, đánh giá hoạt động giám định tư pháp; xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu về giám định tư pháp.

i) Tôn vinh, khen thưởng cá nhân, tổ chức giám định tư pháp có thành tích xuất sắc trong hoạt động giám định tư pháp.

k) Thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật về giám định tư pháp và xử lý vi phạm pháp luật về giám định tư pháp.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về giám định tư pháp gồm những cơ quan sau đây:

a) Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về giám định tư pháp trong phạm vi toàn quốc.

b) Bộ Tư pháp là cơ quan đầu mối, giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về giám định tư pháp.

c) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ co trách nhiệm giúp Chính phủ quản lý nhà nước về giám định tư pháp ở lĩnh vực chuyên môn thuộc thẩm quyền quản lý; phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc thống nhất quản lý nhà nước về giám định tư pháp.

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quản lý nhà nước về giám định tư pháp tại địa phương theo quy định.

3. Chính phủ quy định chi tiết nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, cơ quan nganh bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh trong công tác quản lý nhà nước về giám định tư pháp.

**Điều 38. Trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng đối với công tác giám định tư pháp**

1. Trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng cấp Trung ương:

a) Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Toà án nhân dân tối cao ban hành quy định cụ thể về trưng cầu, yêu cầu giám định và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp trong quá trình giải quyết các vụ việc, vụ án hình sự.

b) Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Toà án nhân dân tối cao ban hành chỉ tiêu thống kê và tổ chức thực hiện việc thống kê, xây dựng cơ sở dữ liệu về trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng hình sự gắn với thống kê tội phạm.

Toà án nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành chỉ tiêu thống kê và tổ chức thực hiện việc thống kê, xây dựng cơ sở dữ liệu về trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng dân sự, hành chính.

c) Lập dự toán và đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp kinh phí bảo đảm chi trả đầy đủ, kịp thời chi phí giám định tư pháp đối với tổ chức, cá nhân thực hiện giám định ngoài khu vực nhà nước, chi phí tham gia tố tụng, chi phí tham dự phiên tòa của người giám định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, cơ quan có liên quan tổ chức tập huấn kiến thức pháp lý về giám định tư pháp và nghiệp vụ trưng cầu giám định, đánh giá, sử dụng kết luận giám định cho đội ngũ người tiến hành tố tụng thuộc thẩm quyền quản lý.

đ) Kiểm tra việc thực hiện trưng cầu, yêu cầu giám định; dự toán, cấp phát kinh phí chi trả chi phí giám định, chi phí tham gia tố tụng, chi phí tham dự phiên toàn của người giám định, thực hiện thống kê và các nhiệm vụ khác về giám định tư pháp của hệ thống cơ quan tiến hành tố tụng thuộc thẩm quyền quản lý.

e) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, cơ quan có liên quan giải quyết vướng mắc, khó khăn về giám định tư pháp trong giai đoạn hoạt động tố tụng thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành mình.

g) Hằng năm, tổng kết và báo cáo tình hình trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp, đánh giá việc thực hiện giám định tư pháp và sử dụng kết luận giám định tư pháp, dự báo nhu cầu giám định; dự toán kinh phí, cấp phát, chi trả chi phí giám định trong hoạt động tố tụng thuộc thẩm quyền quản lý báo cáo Quốc hội gắn với báo cáo công tác tư pháp và gửi Bộ Tư pháp.

h) Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định việc bố trí vị trí của người giám định tư pháp khi tham gia tố tụng tại phiên tòa.

2. Trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng cấp tỉnh:

a) Thực hiện thống kê về trưng cầu, yêu cầu giám định, đánh giá, sử dụng kết luận giám định trong hoạt động tố tụng thuộc thẩm quyền phụ trách ở địa phương theo quy định của cơ quan tiến hành tố tụng cấp Trung ương.

b) Lập dự toán và đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp kinh phí bảo đảm chi trả đầy đủ, kịp thời chi phí giám định tư pháp đối với tổ chức, cá nhân thực hiện giám định ngoài khu vực nhà nước, chi phí tham gia tố tụng, chi phí tham dự phiên tòa của người giám định của cơ quan tiến hành tố tụng thuộc thẩm quyền quản lý ở địa phương theo quy định của pháp luật ngân sách và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Kiểm tra việc thực hiện trưng cầu, yêu cầu giám định; dự toán, cấp phát kinh phí chi trả chi phí giám định, chi phí tham gia tố tụng, chi phí tham dự phiên toàn của người giám định, thực hiện thống kê và các nhiệm vụ khác về giám định tư pháp của hệ thống cơ quan tiến hành tố tụng thuộc thẩm quyền quản lý ở địa phương.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, cơ quan có liên quan giải quyết vướng mắc, khó khăn về giám định tư pháp trong giai đoạn hoạt động tố tụng thuộc thẩm quyền quản lý ở địa phương.

đ) Hằng năm, tổng kết và báo cáo tình hình trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp, đánh giá việc thực hiện giám định tư pháp và sử dụng kết luận giám định tư pháp, dự báo nhu cầu giám định; dự toán kinh phí, cấp phát, chi trả chi phí giám định trong hoạt động tố tụng thuộc thẩm quyền quản lý ở địa phương, báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh gắn với báo cáo công tác tư pháp và gửi Sở Tư pháp.

**Điều 39. Xử lý vi phạm trong hoạt động giám định tư pháp**

1. Mọi tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Luật này và pháp luật có liên quan trong tổ chức, hoạt động và quản lý giám định tư pháp thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Công chức, viên chức, sĩ quan công an, quân đội trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao mà có vi phạm quy định về trưng cầu giám định, đánh giá, sử dụng kết luận giám định hoặc tiếp nhận, thực hiện giám định thì tuỳ mức độ vi phạm mà bị xử lý trách nhiệm công vụ, trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Người giám định là người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, tổ chức thực hiện giám định ở khu vực ngoài nhà nước mà có vi phạm trong quá trình tiếp nhận, thực hiện giám định, tham gia tố tụng với tư cách là cá nhân, tổ chức giám định thì tuỳ theo mức độ mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc trách nhiệm hình sự theo quy định.

**Chương VII**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 40. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Đầu tư, Pháp lệnh Chi phí tố tụng**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật 02/2021/QH15 như sau:

“1. Chi phí quy định tại điểm a, chi phí định giá tài sản tại điểm b, chi phí tại điểm c khoản 4 Điều 135 của Bộ luật này do các cơ quan, người đã trưng cầu, yêu cầu, chỉ định chi trả; trường hợp Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước cử người bào chữa thì do Trung tâm này chi trả. Chi phí giám định tư pháp thực hiện theo quy định của pháp luật về giám định tư pháp.

2. Sửa đổi, bổ sung Mục 14 Phụ lục IV ban hành kèm theo Luật Đầu tư năm 2020 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 72/2020/QH14, Luật số 03/2022/QH15, Luật số 05/2022/QH15, Luật số 08/2022/QH15, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 20/2023/QH15, Luật số 26/2023/QH15, Luật số 27/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 33/2024/QH15 và Luật số 43/2024/QH15 như sau:

“Hành nghề giám định tư pháp trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, xây dựng, cổ vật, di vật, bản quyền tác giả và các chuyên ngành ADN, kỹ thuật số và điện tử.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 43 Pháp lệnh Chi phí tố tụng như sau:

“1. Cơ quan, đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động mà được trưng cầu thực hiện giám định có trách nhiệm chi trả chi phí giám định. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng ra quyết định trưng cầu giám định đối với tổ chức, cá nhân không do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động có trách nhiệm chi trả chi phí giám định, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.”

**Điều 41. Hiệu lực thi hành**

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày …. tháng … năm 20...

2. Luật Giám định tư pháp năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

**Điều 42. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Quyết định bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp; quyết định công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc được ban hành theo quy định của Luật Giám định tư pháp năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp tiếp tục có hiệu lực.

2. Trường hợp hồ sơ bổ nhiệm, miễn nhiệm, cấp, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp, công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì cơ quan có thẩm quyền đã tiếp nhận hồ sơ tiếp tục thực hiện theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

3. Trường hợp việc giám định đã được tiếp nhận, thực hiện trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc tiếp tục thực hiện giám định, thanh toán chi phí giám định, bồi dưỡng giám định tư pháp được thực hiện theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

*Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa ...., kỳ họp thứ .....thông qua ngày …… tháng ....... năm ......*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHỦ TỊCH QUỐC HỘI** |